



## VẤN ĐỀ KINH TẾ NÔNG NGHIỆP Ở TỈNH CHÂU ĐỐC NỬA ĐẦU THẾ KỈ XX

Trần Minh Thuận\*

Khoa sư phạm, Trường Đại học Cần Thơ

\*Người chịu trách nhiệm về bài viết: Trần Minh Thuận (email: [tranminhkc@ctu.edu.vn](mailto:tranminhkc@ctu.edu.vn))

### Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 04/08/2017

Ngày nhận bài sửa: 15/09/2017

Ngày duyệt đăng: 28/04/2018

### Title:

The problem of agricultural economy of Chau Doc province in the early 20<sup>th</sup> century

### Từ khóa:

Đồn điền, điền chủ, kinh tế nông nghiệp, nhân công, sở hữu ruộng đất, tỉnh Châu Đốc

### Keywords:

Agriculture-based economy, Chau Doc province, labor, land ownership, plantation

### ABSTRACT

Chau Doc province was established according to the decree of the Governor of Indochina - Paul Doumer on December 20th, 1899. The natural conditions and society in Chau Doc were very distinct and complex. In consequence, the reclaiming situation, land ownership, and agricultural activity fluctuated constantly from different angles such as cultivated area, productivity, labor, the number of cattle, rice export and so on. The focus of this paper is on analyzing and evaluating such situations and roles of agricultural economy of Chau Doc in the southwest region during the first half of the 20<sup>th</sup> century

### TÓM TẮT

Tỉnh Châu Đốc là một trong các tỉnh thuộc miền Tây Nam Kỳ được thành lập theo Nghị định của Toàn quyền Đông Dương Paul Doumer ngày 20/12/1899. Điều kiện tự nhiên, xã hội ở đây rất đặc biệt và phức tạp. Vì vậy, tình hình khẩn hoang, sở hữu ruộng đất, hoạt động kinh tế nông nghiệp luôn có những biến động liên tục dưới nhiều góc độ như diện tích canh tác, năng suất, nhân công, số lượng trâu bò, xuất khẩu lúa gạo... Bài viết này sẽ phân tích và đánh giá những vấn đề trên, cũng như vai trò kinh tế của tỉnh Châu Đốc đối với miền Tây Nam Kỳ trong giai đoạn nửa đầu thế kỉ XX.

Trích dẫn: Trần Minh Thuận, 2018. Vấn đề kinh tế nông nghiệp ở tỉnh Châu Đốc nửa đầu thế kỉ XX. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 54(3C): 223-228.

## 1 ĐẶT VẤN ĐỀ

Châu Đốc thời chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn là một vùng biên viễn xa xôi ở cực nam đất nước. Nơi đây luôn phải đối mặt với những bất ổn về chính trị, quân sự và quốc phòng. Nhà Nguyễn cũng rất quan tâm phát triển kinh tế vùng đất này bằng nhiều cách như tiến hành đào hàng loạt các kinh đào để dẫn nước, rửa phèn và thành lập các đồn điền quân sự, vừa sản xuất vừa có lực lượng quân đội thường trực để bảo vệ lãnh thổ. Khi thực dân Pháp xâm lược và đặt ách thống trị lên toàn bộ Nam Kỳ, kinh tế vùng Châu Đốc đã có những bước phát triển nhất định. Năm 1900, Châu Đốc trở thành một tỉnh trong bảy tỉnh ở miền Tây Nam Kỳ. Từ đây,

kinh tế nông nghiệp ở tỉnh Châu Đốc có những sự phát triển nhảy vọt trong nửa đầu thế kỉ XX. Tuy nhiên, do điều kiện tự nhiên có những yếu tố đặc thù như đất trũng thấp, nhiều vùng bị ngập nước nên năng suất và diện tích đất nông nghiệp luôn có sự biến động liên tục. Nghiên cứu vấn đề kinh tế nông nghiệp tỉnh Châu Đốc sẽ góp phần khôi phục lại bức tranh kinh tế nông nghiệp ở miền Tây Nam Kỳ nửa đầu thế kỉ XX, giai đoạn mà miền Tây Nam Kỳ khẳng định vai trò là một vựa lúa thật sự không chỉ ở Việt Nam mà trên toàn cõi Đông Dương.

## 2 PHẠM VI VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Bài viết tập trung nghiên cứu một số vấn đề có liên quan đến kinh tế nông nghiệp tỉnh Châu Đốc theo địa giới hành chính và thời gian bắt đầu từ ngày 1/1/1900 đến năm 1939. Trong giai đoạn này, tỉnh Châu Đốc không có nhiều biến động về diện tích đất đai, cơ cấu kinh tế nông nghiệp. Vấn đề kinh đào, khẩn hoang, sở hữu ruộng đất và hoạt động sản xuất nông nghiệp trồng lúa là những vấn đề quan trọng. Tác động của kinh tế nông nghiệp Châu Đốc đến những giai đoạn sau bài viết chưa có điều kiện để nghiên cứu.

Để thực hiện bài viết này, hai phương pháp cơ bản trong nghiên cứu khoa học lịch sử đó là phương pháp lịch sử và phương pháp logic được sử dụng. Bên cạnh đó, với việc xử lý các số liệu có liên quan, bài viết sử dụng phương pháp thống kê, so sánh, tổng hợp... để làm rõ vấn đề nghiên cứu tâm hoặc cần đối chiếu so sánh.

### 3 NỘI DUNG

#### 3.1 Vài nét về địa giới hành chính, xã hội tỉnh Châu Đốc nửa đầu thế kỷ XX

Châu Đốc là một vùng đất có nhiều sự kiện lịch sử gắn liền với Đảng Trong thời các chúa Nguyễn cũng như vương triều Nguyễn sau này. Sau Hiệp ước Giáp Tuất (1874), Nam Kỳ lục tỉnh được triều đình Huế thừa nhận là đất của Pháp, Châu Đốc lúc bấy giờ thuộc tỉnh An Giang. Do đó, vùng này cũng trở thành một phần đất của chính quyền thuộc địa. Ngày 5 tháng 01 năm 1876, đô đốc Duperré, Tổng chỉ huy lực lượng viễn chinh Pháp tại Nam Kỳ ra nghị định phân chia toàn bộ Nam Kỳ thành 4 khu vực hành chính lớn (circonscription administrative) là Sài Gòn, Mỹ Tho, Vĩnh Long, Bassac. Khu vực Bassac gồm 6 tiểu khu là Châu Đốc, Hà Tiên, Long Xuyên, Rạch Giá, Cần Thơ, Sóc Trăng. Ngày 18 tháng 12 năm 1882, Thống đốc Nam Kỳ ra Nghị định tách hai tổng của tiểu khu Sóc Trăng vào ba tổng của tiểu khu Rạch Giá thành lập thêm một tiểu khu mới nữa là tiểu khu Bạc Liêu trực thuộc khu vực hành chính Bassac (Đương Kinh Quốc, 2005). Sau đó, Toàn quyền Đông Dương Paul Doumer ra Nghị định ký ngày 20/12/1899, chia Nam Kỳ thành ba khu vực Đông Nam Kỳ, Trung Nam Kỳ và Tây Nam Kỳ và đổi các tiểu khu thành tỉnh (province). Theo sắc lệnh này, miền Tây Nam Kỳ dù có thay đổi, tách nhập chút ít nhưng nhìn chung từ năm 1900 đến năm 1939 bao gồm bảy tỉnh: Châu Đốc, Hà Tiên, Long Xuyên, Rạch Giá, Cần Thơ, Sóc Trăng và Bạc Liêu.

Về trường hợp của tỉnh Châu Đốc và tỉnh Hà Tiên có lúc sáp nhập lại và có lúc tách ra thành hai tỉnh. Cụ thể, ngày 9 tháng 02 năm 1913, Toàn quyền Đông Dương ra nghị định về việc sáp nhập tỉnh Hà Tiên vào tỉnh Châu Đốc. Ngày 29/2/1924, Toàn quyền Đông Dương lại ra nghị định về việc tái lập

tỉnh Hà Tiên tách ra từ tỉnh Châu Đốc. Như vậy, về mặt địa giới hành chính của tỉnh Châu Đốc có vài biến động do quá trình sáp nhập và tách ra của tỉnh Hà Tiên.

Tóm lại, về mặt địa giới hành chính của tỉnh Châu Đốc chính thức từ ngày 1 tháng 1 năm 1900 “tương ứng với các huyện Châu Phú, An Phú, Tri Tôn, Tịnh Biên, Phú Tân, thành phố Châu Đốc và thị xã Tân Châu của tỉnh An Giang, huyện Hồng Ngự, Tân Hồng, thị xã Hồng Ngự của tỉnh Đồng Tháp ngày nay” (Publications de la société des études Indo-Chinoises, 1902).

Năm 1878, dân số của tiểu khu Châu Đốc là 98.546 người với 10 tổng, 92 làng (Comité Agricole et Industriel de la Cochinchine, 1878). Với sự đầu tư của thực dân Pháp, sự phát triển kinh tế kéo theo việc dân số tăng lên một cách nhanh chóng. Tỉnh Châu Đốc khi mới thành lập có tổng diện tích đất là 275.876 hectares với tổng dân số điều tra vào ngày 27 tháng 12 năm 1901 là 145.399 người. Trong đó người An Nam gốc Nam Kỳ là 107.672 người, người Khmer là 28.847 người, còn lại là các thành phần dân cư khác như người Pháp, Mã Lai, Ấn Độ, Minh Hương... (Publications de la société des études Indo-Chinoises, 1902). Đến năm 1926, theo một thống kê khác thì tỉnh Châu Đốc có dân số 205.134 người với các sở đại lý Tân Châu, Tịnh Biên, Tri Tôn (Sách địa dư, 1926). Đến năm 1930, dân số tỉnh Châu Đốc tiếp tục tăng lên.

**Bảng 1: Dân số các tỉnh miền Tây Nam Kỳ thống kê vào năm 1930**

Tỉnh	Dân số
Rạch Giá	338.000
Cần Thơ	356.000
Bạc Liêu	231.000
Sóc Trăng	206.000
Long Xuyên	219.000
Châu Đốc	233.000
Hà Tiên	26.000

(Nguồn: Henry, 1932)

Có thể thấy vào những năm 1930, dân số tỉnh Châu Đốc chỉ thấp hơn Rạch Giá và Cần Thơ, các tỉnh còn lại đều có dân số ít hơn. Điều này cũng phần nào chứng minh được những tiềm năng về kinh tế nông nghiệp ở một nơi xa xôi miền biên viễn của đất nước như Châu Đốc.

#### 3.2 Tình hình khẩn hoang và sở hữu ruộng đất ở tỉnh Châu Đốc nửa đầu thế kỉ XX

Tại tỉnh Châu Đốc, những kinh đào cũ là kinh Vĩnh Tế và kinh Vĩnh An được đào từ những năm đầu của vương triều Nguyễn qua nhiều năm đã bị bồi lắng và lòng sông ngày càng cạn đi, thuyền bè qua lại gặp nhiều khó khăn. Chính vì thế, chính

quyền thực dân chú ý đến vấn đề nạo vét lại với kinh phí lớn. Đối với kinh Vĩnh tế, “ngày 8/9/1900, Toàn quyền Đông Dương ký Nghị định cho phép tiến hành công tác nạo vét và mở rộng những đoạn bị thu hẹp với kinh phí dự trù 1.500.000fr do Ngân hàng Đông Dương tài khóa 1900 đài thọ. Đến ngày 19/3/1920 lại nạo vét lần nữa” (Nguyễn Đình Tư, 2016). Còn đối với kinh Vĩnh An thì đã “được đào hoàn chỉnh trong hai năm 1846-1847 dưới triều Thiệu Trị theo yêu cầu của Tổng đốc Vĩnh Long Nguyễn Tri Phương và Đốc bộ Châu Đốc Nguyễn Công Nhân. Kinh dài 17km, rộng 15-16m, nối sông Tiền với sông Hậu, đầu vào ở làng Phum Soài, đầu ra ở Long Phú, cách 100m phía dưới chợ Tân Châu. Hai bên dòng chảy của nó tạo thành một góc tù mà đỉnh ở làng Vĩnh Phong. Người Pháp chỉ thực hiện nạo vét cho thông suốt dòng chảy” (Nguyễn Đình Tư, 2016). Bên cạnh đó, thực dân Pháp cũng đào thêm nhiều con kinh mới ở tỉnh Châu Đốc, một là phục vụ cho việc quân sự, quốc phòng, hai là có thể rửa phèn và

phát triển kinh tế nông nghiệp. Có thể kể tên một số con kinh quan trọng như kinh Công Điền, kinh Long Xuyên, kinh Sept Montagnes, kinh Núi Sam...Điều kiện tự nhiên ở đây cũng rất khác so với các tỉnh ở cực Tây mà điển hình là rất nhiều diện tích đất bị ngập lụt hầu như quanh năm. Hệ thống kinh đào cũng không thể giúp cho những vùng ngập lụt có thể thoát nước vì đất quá thấp. Chính vì vậy, việc khẩn hoang gặp rất nhiều khó khăn và diễn ra khá chậm chạp.

Sau một khoảng thời gian đầu tư kinh tế và chiêu mộ nhân công khai khẩn, diện tích đất trồng lúa ở miền Tây Nam Kỳ tăng lên đáng kể. Nếu như trong những năm cuối thế kỉ XIX, do nhiều nguyên nhân mà diện tích canh tác nông nghiệp ở vùng Châu Đốc còn rất thấp. Sau năm 1900, với cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp, tình hình ruộng đất đã có những bước phát triển mới.

**Bảng 3: Diện tích đất trồng lúa ở các tỉnh miền Tây Nam Kỳ năm 1907**

Tỉnh	Tổng diện tích (ha)	Diện tích trồng lúa (ha)	Tỉ lệ %
Rạch Giá	593.648	138.214	11,6
Cần Thơ	260.210	166.200	63,8
Bạc Liêu	710.656	74.379	10,4
Sóc Trăng	231.404	173.672	75,9
Long Xuyên	276.949	68.100	24,6
Châu Đốc	280.009	32.612	11,6
Hà Tiên	172.042	1.424	8,2

(Nguồn: Henri Russie và Henri Brenier, 1911)

**Bảng 4: Diện tích trồng lúa ở các tỉnh miền Tây Nam Kỳ năm 1930**

Tỉnh	Tổng diện tích tự nhiên (km <sup>2</sup> )	Diện tích trồng lúa (ha)	Sản lượng (tấn)
Rạch Giá	6.779	319.900	344.900
Cần Thơ	2.322	181.100	322.200
Bạc Liêu	7.272	270.420	296.800
Sóc Trăng	2.397	195.000	288.000
Long Xuyên	2.691	147.500	199.700
Châu Đốc	2.887	131.300	148.080
Hà Tiên	1.102	6.140	5.400

(Nguồn: Henry, 1932)

Từ hai bảng thống kê này, cho biết diện tích trồng lúa ở các tỉnh miền Tây Nam Kỳ sau khoảng 23 năm khẩn hoang đã tăng lên rất nhiều, có tỉnh tăng gấp đôi, có tỉnh tăng gấp bốn lần. Điều đó cho thấy, lực lượng nhân công cũng ngày càng tăng lên và khẩn hoang phát triển với một tốc độ khá nhanh. Tỉnh Châu Đốc, từ 32.612 ha đất trồng lúa năm 1907 đã tăng lên 131.300 ha vào năm 1930.

Quá trình tập trung ruộng đất vào tay địa chủ ở tỉnh Châu Đốc đã có từ thời nhà Nguyễn. Việc giúp đỡ của địa chủ Nam Bộ đối với Nguyễn Ánh trong những năm tháng bôn tẩu suy cho cùng cũng để lại những hậu quả tiêu cực khi vương triều Nguyễn

được thành lập. Triều Nguyễn có những chính sách dung dưỡng trong vấn đề ruộng đất đối với tầng lớp địa chủ, những người đã giúp ông trong những năm trốn chạy Tây Sơn khó nhọc. Ruộng đất công khi Gia Long lên ngôi chỉ còn lại khoảng 20%, ruộng tư tập trung dần vào tay các địa chủ có thế lực. Điều này dẫn đến trình trạng sở hữu ruộng đất lớn ở Nam Bộ rất phổ biến trong nền kinh tế nông nghiệp ở Nam Kỳ. Khi thực dân Pháp chiếm Nam Kỳ và thực hiện những chính sách ruộng đất mới nhằm phục vụ lợi ích cho chính quốc, việc sở hữu ruộng đất ở Châu Đốc cũng có những thay đổi rõ rệt. Người nông dân với những mảnh ruộng nhỏ luôn có nguy cơ để rơi vào tay giới điền chủ, việc này cũng có nhiều

nguyên nhân. Có thể, bằng thể lực của mình, các điền chủ người Pháp cũng như người Việt tìm mọi cách để tập trung ruộng đất vào tay mình. Họ có thể ép bán rẻ, thậm chí dùng vũ lực để cướp đoạt. “*Còn nếu đất đai được chia lô để bán đấu giá thì trong khi người tiểu nông cùng khổ, tiền không có, thể thức mua không biết, chỉ còn biết đứng xếp hàng chờ lượt thì các địa chủ tư bản đã chạy chốt cửa này, cửa khác, phổng tay trên mặt cả. Tất cả những trường hợp kể trên đã xảy ra thường xuyên ở miền Tây Nam Kỳ trong khoảng từ năm 1890 đến năm 1900*” (Phạm Cao Dương, 1967). Điểm đặc biệt là trình trạng sở hữu ruộng đất lớn ở miền Tây Nam Kỳ là rất phổ biến, có những điền chủ sở hữu hàng chục nghìn hectares đất trồng lúa. Đến trước năm 1930, theo thống kê của người Pháp ở tỉnh Châu Đốc sở hữu ruộng đất lớn từ 50 ha đến 100 ha có 102 điền chủ, từ 100 ha đến 500 ha có 51 điền chủ và trên 500 ha có 5 điền chủ (Henry, 1932).

Xem xét ở góc độ sở hữu ruộng đất lớn thì ở Châu Đốc không bằng một số tỉnh ở miền Tây Nam Kỳ vì tỉnh Châu Đốc có điều kiện tự nhiên khắc nghiệt và khó khăn hoang hơn. “*Ở các tỉnh Rạch Giá, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Cần Thơ... thuộc miền Hậu Giang... Có nhiều đại địa chủ Nam Bộ đã chiếm tới 10.000 đến 20.000 héc ta ruộng đất. Riêng năm 1931, diện tích nhượng là 900.000 héc ta và nhất là đến năm 1943 tổng số đồn điền đã nhượng cho đại địa chủ Nam Bộ là 150.920 cái, rộng tới 1.253.773 héc ta, chiếm hơn nửa diện tích trồng cấy ở Nam Bộ*” (Trần Ngọc Định, 1970). Tốc độ khẩn hoang ở Châu Đốc diễn ra chậm chạp hơn so với các tỉnh khác. Điều này cũng dễ hiểu đối với một tỉnh biên giới xa xôi và nhiều phức tạp như Châu Đốc. Châu Đốc là tỉnh ở duy nhất ở miền Tây Nam Kỳ có nhiều dãy núi lớn, tuy nhiên diện tích núi cũng không nhiều so với tổng diện tích của tỉnh, vấn đề của Châu Đốc là bị ngập lụt. Ngoài ra, việc sở hữu nhỏ ruộng đất cũng khá phổ biến, tuy nhiên việc biến động diễn ra liên tục và phức tạp đối với những người nông dân nghèo trong suốt quá trình khẩn hoang. Nông dân mất đất một phần do điền chủ tìm mọi cách để chiếm đoạt nhưng theo chủ quan của chúng tôi thì nguyên nhân cũng do chính người nông dân miền Nam với tâm tính của người đi khẩn hoang, tâm lý thích phiêu lưu mạo hiểm, hay vay nợ, thậm chí rất thích cờ bạc trong những lúc được nghỉ ngơi. Nếu vay nợ điền chủ mà không có tiền trả thì đương nhiên sẽ mất đất về tay họ, người nông dân lại đi tìm một nơi khác để khẩn hoang. Nhưng việc khẩn hoang càng ngày càng trở nên khó nhọc hơn khi đầu những năm 30 của thế kỷ XX, việc khẩn hoang ở Nam Bộ về cơ bản đã hoàn thành, chỉ còn một số nơi ít ỏi bị nhiễm phèn hoặc nhiễm mặn ở Đồng Tháp Mười, Cà Mau hay Rạch Giá mà thôi.

### 3.3 Vài nét về hoạt động kinh tế của tỉnh Châu Đốc nửa đầu thế kỷ XX

Như đã trình bày ở trên, do điều kiện tự nhiên có những nét đặc thù khác với các tỉnh khác, mà việc ngập lụt ở một số khu vực vẫn đến trình trạng sản xuất lúa và sử dụng sức kéo gặp nhiều khó khăn. Tác giả Huỳnh Lứa trích dẫn bản báo cáo trước Hội đồng quản hạt năm 1923 về tình hình khẩn hoang như sau: “*Hầu như hoàn toàn bị bỏ hoang cách đây mấy năm, tỉnh Châu Đốc như vừa thoát khỏi trình trạng mê ngủ do sự khám phá ra loại lúa nổi. Tình trạng kinh tế của tỉnh do đó biến đổi một cách đột ngột. Đa số đất hoang có thể canh tác được đã lôi cuốn một số lớn người bán xir. Những người này, sau khi định cư tại những vùng đất trống đã khẩn hoang và nộp đơn xin làm chủ*” (Huỳnh Lứa và ctv, 1987).

Sự xuất hiện giống lúa nổi ở vùng ngập lụt của tỉnh Châu Đốc là một sự kiện khá đặc biệt. Các nhà nghiên cứu đề cập đến khi nói về kinh tế nông nghiệp ở Châu Đốc thời Pháp thuộc. Có tác giả cho rằng, “*nguồn gốc cây lúa nổi có nhiều ý kiến khác nhau, theo lời truyền miệng nhân dân: lúa nổi do một vị linh mục cai quản họ đạo Năng Gù không biết mang từ đâu về trồng thử năm 1891. Gia Định báo ra ngày 15/11/1901 đăng tin: Chủ tỉnh Châu Đốc Doceuil báo tin lúa nổi do ông Phan Văn Vàng (Đa Phước) khám phá đem về trồng thử nhiều ở Phước Hưng, Hà Bao, Châu Phú. Tờ Nông Cổ Min Đàm (30/7/1907) cho biết giống lúa sạ có trước tiên ở núi Tượng, năm 1906, chủ tỉnh Sa Đéc mua về trồng ở Đồng Tháp Mười. Một nguồn tư liệu khác cho rằng: một người nông dân ở Đốc Vàng đến Nam Vang tình cờ tìm được giống lúa thích hợp cho vùng nước nổi*” (Võ Thành Phương, 2014).

Một tác giả người Pháp cũng đề cập đến giống lúa này và việc chăm sóc, buôn bán trâu bò ở tỉnh Châu Đốc. “*Ở các cánh đồng lúa nổi, thường thường mùa nước lên, vật phải chạy lên các bờ cao, ở đó người ta làm chuồng chống cột trên mặt nước (Châu Đốc) hoặc làm trên bờ cao (Long Xuyên), hoặc có khi làm trên những ngọn đồi ở gần đó. Một số người (vùng sát cạnh Tà Keo) cho trâu bò chuyển đi đến các cánh đồng cao thuộc đất Cao Miên, cho thuê bằng cách để con vật làm và được nuôi ăn, hoặc thuê coi giữ (10 đồng một đầu) và không làm việc gì. Sau khi nước rút, thì con vật lại trở về làm vào tháng giêng. Một số chủ đất muốn đem bán trâu bò trong mùa mưa cho những người làm ruộng vùng Sóc Trăng và Bạc Liêu (họ dùng để cày cấy vào thời gian này) rồi sau đó đến Tà Keo mua lại vào tháng giêng*” (Henry, 1932). Y. Henry cũng ghi nhận rằng, ở những vùng trồng lúa nổi tỉnh Châu Đốc thì phải có một đôi trâu mới đủ làm từ 4 ha đến 6 ha ruộng cũ, hoặc 8 ha đến 10 ha ruộng lúa nổi hay ruộng đất mới. Năm 1930, tỉnh Châu Đốc có 21.097 con bò và



19.101 con trâu để phục vụ sức kéo trong nông nghiệp.

Tuy nhiên, ngoài loại lúa nổi thì theo thống kê của Hội nghiên cứu Đông Dương, ở tỉnh Châu Đốc còn có rất nhiều giống lúa khác được trồng trọt. Có thể kể, lúa nếp gồm 6 loại, lúa sớm gồm 8 loại, lúa mùa gồm 13 loại. Như vậy có đến 27 giống lúa được trồng ở đây (Publications de la société des études Indo-Chinoises, 1902). Khi diện tích đất trồng trọt ngày càng mở rộng thì sản lượng lúa ở tỉnh Châu Đốc tăng lên đáng kể. Tuy không bằng Rạch Giá, Bạc Liêu hay Cần Thơ, tỉnh Châu Đốc cũng đã bắt đầu xuất hiện tình trạng sở hữu ruộng đất lớn và xuất hiện những đại điền chủ. Trước năm 1930, “ở Châu Đốc có những đại địa chủ bán ra 70.000 giạ (1.400 tấn) và ở Long Xuyên có đại địa chủ bán tới 300.000 giạ lúa (tức bằng 6.000 tấn) một năm” (Trần Ngọc Định, 1970).

Vấn đề nhân công trong các đồn điền trồng lúa ở Châu Đốc cũng giống như các tỉnh khác ở miền Tây Nam Kỳ, bao gồm nhiều nguồn khác nhau. Có thể từ Bắc Kỳ và Trung Kỳ vào theo chính sách của chính quyền thực dân, nhưng nguồn nhân công này rất ít và họ cũng không ở lại lâu do nhiều nguyên nhân như công việc cực nhọc, tiền công bấp bênh, không phù hợp với phong tục tập quán ở địa phương. Do đó, nguồn nhân công chính vẫn là những người nông dân tại địa phương và các tỉnh lân cận. Tiền công có thể trả theo ngày, theo mùa bằng tiền, hoặc phát canh thu tô theo năm có thể trả bằng lúa. Năm 1930 tiền công một ngày của môn nhân công trồng lúa ở tỉnh Châu Đốc là 0,5 đồng bao com hoặc 0,75 đồng không bao com. Giá này thấp hơn so với các tỉnh cực tây là Bạc Liêu và Rạch Giá. Tuy nhiên, ngoài tiền công được trả theo thỏa thuận ban đầu, để khuyến khích cho nhân công lao động có hiệu quả hơn, tất nhiên thành quả kinh tế thì tăng lớp điền chủ cũng được hưởng nhiều hơn, người nhân công làm thuê còn được các điền chủ giúp cho tá điền. Họ có “được nhà ở và được ăn cơm, họ được nhận ba bộ quần áo mới nhân dịp tết, trên nguyên tắc là hai bộ mặc lao động và một bộ đẹp hơn để mặc vào dịp tết và những ngày nghỉ ngơi. Họ cũng được cấp phát thuốc lào để hút. Khoản cơm ăn, thuốc lào, trâu ăn trị giá 5 đến 6 đồng một tháng” (Henry, 1932).

Trong thời Pháp thuộc, tư sản Pháp với nhiều thủ đoạn tinh vi nhằm bóc lột những người nông dân tá điền tay lấm, chân bùn. Tá điền làm việc trong các “điền Tây” hay “điền ta” đều khổ sở như nhau. Nhìn chung, ở miền Tây Nam Kỳ, “chế độ thuộc địa, với những thực chất bóc lột của nó, đã làm cho tình cảnh của nông dân ta ngày càng đen tối hơn so với chế độ phong kiến của các vua chúa Việt Nam xưa kia” (Phạm Cao Dương, 1967). Có thể thấy, với nhận định của tác giả Phạm Cao Dương, đời sống

của những nông dân tá điền-nguồn nhân công chính trong các đồn điền thật khốn khổ và không lối thoát. Tất nhiên, nông dân tá điền ở tỉnh Châu Đốc cũng cùng chung số phận như vậy.

#### 4 KẾT LUẬN

Tỉnh Châu Đốc thời vương triều Nguyễn thuộc tỉnh An Giang, là một vùng biên viễn quan trọng ở cực Nam của đất nước. Tuy nhiên, việc phát triển kinh tế ở đây gặp khá nhiều khó khăn, những con kinh đào thời Nguyễn dường như tập trung vào mục đích quốc phòng hơn là kinh tế. Khi Nam Kỳ chính thức trở thành đất của thực dân Pháp, kinh tế ở đây được chính quyền thực dân đầu tư phát triển. Đầu thế kỉ XX, tỉnh Châu Đốc có sự chuyển biến mạnh mẽ nhất là trong kinh tế nông nghiệp. Quá trình khẩn hoang ở tỉnh Châu Đốc diễn ra chậm và gặp nhiều khó khăn hơn so với các tỉnh khác ở miền Tây Nam Kỳ do điều kiện tự nhiên không thuận lợi, nhất là có nhiều vùng đất bị ngập lụt. Với hệ thống kinh đào mà người Pháp thực hiện trong những năm đầu thế kỉ XX đã làm cho việc khẩn hoang diễn ra với tốc độ nhanh hơn và diện tích đất canh tác nông nghiệp tăng lên đáng kể.

Việc sản xuất nông nghiệp trồng lúa có nhiều biến động do điều kiện tự nhiên và đặc điểm xã hội. Diện tích canh tác thực tế lên xuống thất thường, không ổn định. Song, việc sử dụng giống lúa nổi đặc biệt ở vùng ngập lụt đã đem lại những hiệu quả kinh tế bất ngờ. Tuy nhiên, Châu Đốc cũng góp phần quan trọng trong việc xuất khẩu lúa gạo ở miền Tây Nam Kỳ trong những thập niên đầu của thế kỉ XX.

Đầu thế kỉ XX bắt đầu xuất hiện các đại điền chủ lớn người Việt cũng như người Pháp. Hoạt động sản xuất trong các đồn điền và việc xuất khẩu lúa với tính chất hàng hóa đã phần nào cho thấy phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đã bắt đầu hình thành ở đây. Tuy nhiên, cũng như các tỉnh ở miền Tây Nam Kỳ khác, phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa cũng không thể phát triển như đúng bản chất của nó, tất cả cũng chỉ dừng lại ở khái niệm “mầm mống” mà thôi.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Comité Agricole et Industriel de la Cochinchine, 1878. La Cochinchine Française en 1878, Paris.
- Phạm Cao Dương, 1967. Thực trạng của giới nông dân Việt Nam dưới thời Pháp thuộc, Nxb Khai Trí, Sài Gòn.
- Trần Ngọc Định, 1970. Chế độ sở hữu ruộng đất lớn ở Nam Bộ trong thời kỳ đế quốc Pháp thống trị, Tạp chí Nghiên Cứu Lịch sử, số 132, tr.81-90.
- Y.Henry, 1932. Kinh tế nông nghiệp Đông Dương, Hà Nội, bản dịch Hoàng Đình Bình, Tư liệu

- Khoa Lịch sử, Đại học KHXH và NV, ĐHQG Hà Nội.
- Huỳnh Lúa, Lê Quang Minh, Lê Văn Năm, Nguyễn Nghị, Đỗ Hữu Nghiêm, 1987. Lịch sử khai phá vùng đất Nam Bộ, Nxb TP.Hồ Chí Minh.
- Võ Thành Phương, 2014. Lược sử hình thành và khai phá đất An Giang, NXB Văn hóa văn nghệ, TP.Hồ Chí Minh.
- Publications de la société des études Indo-Chinoises, 1902. Monographie de la province de Châu Đốc, SAIGON.
- Dương Kinh Quốc, 2005. Chính quyền thuộc địa ở Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- Henri Russier, Henri Brenier, 1911. Indochine Francaise, Paris.
1926. Sách địa dư, Quinhon, An Nam.
- Nguyễn Đình Tư, 2016. Chế độ thực dân Pháp trên đất Nam Kỳ 1859-1954, T2, Nxb Tổng hợp, TP.Hồ Chí Minh.